

BA DÕ U Ò N CÕ A CHÁNH PHÁP (TAM PHÁP Ò N)

A- Dõ n nhõ p

Tam pháp ò n là giáo lý mang tính pháp đõ nh trong hõ thõ ng giáo lý cõ a Phõ t giáo. Trong kinh Tõ õ ng ò ng III, Đõ c Phõ t đã có ò n hõ i các thõ y Tõ kheo:

«Này các thõ y, cái gì đõ c thõ y, đõ c nghe, đõ c nghĩ đõ n, đõ c biõ t, đõ c tìm cõ u, đõ c ý tõ duy, cái õ y là thõ õ ng hay vô thõ õ ng?

- Là vô thõ õ ng, bõ ch Thõ Tôn.

- Cái gì vô thõ õ ng là khõ hay vui?

- Là khõ , bõ ch Thõ Tôn.

- Cái gì vô thõ õ ng, khõ , chõ u sõ biõ n hoõ i, nõ u không chõ p thõ cái õ y, thì có thõ khõ i lên suy nghĩ: «Cái này là cõ a tôi, cái này là tôi, cái này là tõ õ ng cõ a tôi»?

- Thõ a không, bõ ch Thõ Tôn« (võ õã).

Nhõ võ y, vô thõ õ ng, khõ và vô õã là ba dõ u ò n xác đõ nh, chõ ng nhõ n tính chính thõ ng cõ a giáo lý đõ o Phõ t. Mõ i giáo lý cõ a đõ o Phõ t đõ u phõ i mang ba dõ u ò n đó. Chính vì tính chõ t quan trõ ng này mà Tam pháp ò n luôn đõ c nhõ c đõ n trong hõ u hõ t kinh đõ n, tõ kinh tõ ng Nam

truyền định Bồ đề truyền và các trong các bộ luận quan trọng như luận Đệ Nhị Trí Độ của Bồ tát Long Thụ.

B- Nội dung

I. Định nghĩa:

Định là chi cục định hay khuôn định. Pháp có nghĩa là chánh pháp hay toàn bộ hệ thống tư tưởng trong lý dạy của Đức Phật được ghi lại trong ba tạng thánh điển. Pháp định có nghĩa là khuôn định của chánh pháp.

Tam pháp định là ba khuôn định của chánh pháp gồm vô thường, khổ và vô ngã. Ba khuôn định hay tính chất này xác định tính chính thống và đích thực của giáo lý đạo Phật nhằm đem đến cho mọi suy tư, ngôn thuyết, diễn giải, thực hành của người Phật tử không vượt ra ngoài mức tiêu giải thoát mà Đức Phật Tôn đã tuyên thuyết. Mọi giáo lý không có ba khuôn định trên đều không phải của đạo Phật.

Trong kinh tạng A Hàm, đôi khi Đức Phật cũng dạy về Tam pháp định là vô thường, khổ, vô ngã và Niết bàn (kinh Tăng Nhứt A Hàm - phẩm Tăng thọ ng thọ 23). Tuy nhiên, đây chỉ là sơ khởi khai của Tam pháp định. Bởi lẽ, Niết bàn chỉ là tên gọi khác của vô ngã như Hòa thượng Thích Thiện Siêu đã khẳng định: «Niết bàn là một cái gì tuy thật nhưng không dung ngã... Hòa vô ngã là luân hồi mà vô ngã là Niết bàn» (*Vô ngã là Niết bàn*, tr.65).

Tam pháp định đôi khi cũng được phát biểu là vô thường, khổ, vô ngã và không (kinh Tăng Nhứt A Hàm - phẩm Thọ t t t t 2). Cũng như trên, «không» vẫn chỉ là một cách nhìn khác với các định kiến duyên khởi của mọi sự, mọi vật. Một học thuyết được gọi là vô ngã hoặc không vì bản chất của nó là do định kiến nhân duyên tạo thành. Do vậy, có thể xem vô thường, khổ và vô ngã là một định thức chuần mực, tổng quát của Tam pháp định.

II. Nội dung Tam pháp định:

1)- Pháp nĩa như t: Vô thường (Anitya)

Pháp nĩa đầu tiên hay khuôn nĩa đầu tiên là vô thường. Vô thường, tiếng Phạn là Anitya, hàm nghĩa sự biến đổi, thay đổi, không cố định. Mọi giáo lý, học thuyết nào không mang đũa nĩa này thì không phải là Pháp pháp.

- Theo đạo Phật, tất cả mọi hiện tượng, sự vật trên thế gian do các tập hợp duyên sinh đều mang tính vô thường. Nói cách khác, vô thường nghĩa là sự vật không mang tính đứng vững bất biến. Hòn núi là một tập hợp duyên sinh, thân thể con người là một tập hợp duyên sinh, lá cây rụng bên đường là một tập hợp duyên sinh, cho đến hạt bụi nhỏ cũng là tập hợp do duyên mà hiện hữu. Do vậy, hòn núi, thân thể con người, lá cây, hòn sỏi, hạt bụi... đều luôn biến đổi, không bao giờ có tính đứng vững và phải chịu sự tác động của vô thường. Mọi sự, mọi vật trong thế giới hiện tượng từ các vật thể vĩ mô đến các thế giới vật chất hạ tầng như vi mô như nguyên tử, hạt proton, hạt neutron... luôn biến chuyển, thay đổi liên tục không ngừng nghỉ. Tuy nhiên, không chỉ trong thế giới vật chất mà ngay cả trong thế giới tâm thức, vô thường vẫn luôn có mặt.

- Trong đạo Phật, con người là sự cấu hợp của hai thành phần Danh và Sắc, hay phần tinh thần - các trạng thái tâm lý và phần vật chất - thân thể sinh-vật lý, và hai thành phần này luôn trong trạng thái luôn luôn biến đổi như một dòng suối chảy mãi không ngừng trong đời sống con người. «Nó giống như giọt sương đọng trên lá sen sáng tan đi khi mặt trời vơi nắng; nó giống như bọt nước, như một dòng thác cuộn trôi đi tất cả những gì nó gặp và trôi chảy mãi không ngừng; nó giống như một con voi đi trên cát, lúc nào cũng đổ ngã dưới cái chày» (Tăng Chi Bộ kinh III, tr.70). Mọi hoạt động, vận hành tâm lý: cảm giác, tri giác, tình cảm, tư duy... của con người luôn tồn tại trong kho tàng thế gian của con người mà đạo Phật gọi là sát na (1).

Trong khoa tâm lý học, các biến chuyển trạng thái tâm lý theo thời gian được chia làm hai loại là thường biến tâm lý và đột biến tâm lý.

- Thường biến tâm lý là sự thay đổi các trạng thái tâm lý theo những phản xạ có ý thức và tập quán nghiễm. Ví dụ như vui thì cười rồi buồn thì khóc lóc, đau thì kêu. Thành thử vui mà buồn, buồn mà đau khổ, buồn rồi....

- Đột biến tâm lý là sự biến đổi tâm trạng đột ngột trong kho tàng thế gian rồi ngừng. Tất nhiên sự dao

đồng tâm diệt n ra rất nhanh. Ví dụ như trong thái tâm dao đồng, tán loạn trong khi gặp các sự kiện nguy hiểm: nhà cháy, người thân qua đời.... Trong lòng bị n hay đồng bị n tâm lý đồng phân ánh tính vô thường trong phàm đồng diệt n tình thế n của đời sống con người.

Trong những hiện tượng vô thường không tồn tại y u của đồng kh - pháp uẩn thứ hai. Trong đồng kinh phân đồng như p, nếu chúng hiện đồng diệt n rồi ng h vô thường là kh, thì khi đó giáo lý vô thường không còn là một khuôn đồng của chánh pháp n a. Trong thế kỷ, nếu không có vô thường thì sẽ không thể có sự sống và không thể có sự phát triển. Nếu hạt thóc gieo vào đất thì nó không bao giờ trở thành cây lúa cho ra những hạt gạo trong đồng, nếu sự vật không vô thường thì lịch sử tiến hóa của nhân loại sẽ không thể có và nên văn minh nhân loại sẽ không luôn tồn tại đồng thời kể từ đá cũ. Và nếu không có sự tác động của vô thường thì chúng ta sẽ không bao giờ có hy vọng đồng tồn tại các tập khí tham ái phiền não đang tiềm ẩn sâu kín trong nội tâm chúng ta. Do vậy, giáo lý vô thường đem lại niềm tin cho mọi người lạc sáng tỏ và phát triển của con người. Vô thường là đặc chất đích thực của sự sống.

2)- Pháp uẩn thứ hai: Kh (Dukkha)

Kh trong tiếng Pàli Dukkha có nghĩa là sự bốc bách, khó chịu, sự nóng bức... Theo Hán tự, «Kh» có nghĩa là đồng - hàm ý sự đau khổ trong thế giới hiện tại tình cảnh đồng như u đồng chất, chua cay, đem lại cảm giác bất an. Đức Phật đã diệt n sự khổ đau của con người như một sự bùng cháy, đồng của toàn thể thế giới: «Toàn thể thế giới bốc cháy, toàn thể vũ trụ đồng chìm trong khói lửa, toàn thể vũ trụ làm mọi người cho lửa, toàn thể vũ trụ run rẩy sụp đổ» (kinh Tạng đồng B, tr.133).

Kh là một sự thật mang tính phổ biến và hiện diện với nhiều hình thái đa đồng. Ông Như họ Nguyễn Gia Thiệu đã diệt n bày ra những khổ trần gian như một đồng đeo mang trên một kiếp người:

Trên răng đồng thu bốc đồng

To, sanh, kinh, ca làm đau moy lon

-- (Cung oán ngâm khúc, câu 59-60)

Trong đo Phot, kho đau trong đoi song con ngoo*i* có đôi khi đoc trình bày qua 8 hion tong là:
1- Sanh là kho. 2- Già là kho. 3- Bonh là kho. 4- Chot là kho. 5- Buoc lòng phoi song chung voi ngoo*i* mình không a thích là kho. 6- Phoi xa lìa nhong ngoo*i* thân yêu là kho. 7- Mong muon mà không đoc là kho. 8- Chính thân ngu uon là kho. Cách nhìn này đoc Đoc Phot đoy trong bài pháp coc ko quan trong, kinh Chuyon pháp luân (Dhammacakkappavattana sutta), cho năm vo đo to đou tiên toi von Loc Uyon. Trong các kinh vo sau, kho đoc phân biot thành ba looi là kho kho, hooi kho và hành kho. Cách nhìn này đon gion hon và có tho giúp ta tìm căn nguyên ca kho.

- Kho kho (Dukkha dukkhata) có nghĩa là mot com tho khó chou (kho tho). Ví đo nho com giác đau đon vì mot chioc răng ho là mot kho tho, troi lonh mà không có áo om thân tho run cop là mot kho tho, chong kion so ra đi vĩnh vion ca ngoo*i* thân yêu là mot kho tho, bo ngoo*i* khác choc gion làm thong ton đon danh đo, toc đon đo mot toa tai là mot kho tho... Nói chung, nhong com giác bot an trong thân tho vot lý và các trong thái tâm-sinh lý đou là kho tho, looi kho tho nhot.

- Hooi kho (Vinarupamam dukkhata) có nghĩa là nhong tho von không kho nhong khi tiêu hooi thì so too ra kho. Ví đo: khi còn tro, thân tho chúng ta rot khoe monh, nhong khi tuoi già đon, thân ta so suy nhoc, lá gan ca ta hion gio không bonh nhong theo thoi gian nó so yo, so bonh, so mot kho năng làm tiêu chot cholesterol. No coi và khuôn mot rong ro ngày hôm nay có tho so bion mot đo nhong cho cho nhong giot noc mot ou sou ngày mai. Ho có sinh thành là có hooi diot. Ý tong này đo đoa toi nhong cách nhìn bi quan. Do voy, nhong tho bây gio tot cách moy cũng mang son mom kho trong oy.

Nói cách khác, so bion đoi to trong thái này sang trong thái khác, so bion hooi trong co cho tâm-sinh-vot lý ca con ngoo*i* đom loi so bot an, bot rot, không an tonh trong to duy và tình com là hooi kho.

- Hành kh̄ (Samskhara dukkhata): Hành là các hīn t̄ng k̄t t̄p các đ̄u kīn nhân duyên mà thành. Trong kinh Đ̄i Bát Nīt Bàn, có hai câu mà Đ̄c Ph̄t luôn nh̄n m̄nh «ch̄ hành vô th̄ng, th̄ sanh đ̄i t̄ pháp», có nghĩa là nh̄ng th̄ gì do nhân duyên t̄o thành, sinh ra đ̄u là vô th̄ng, đ̄u thūc v̄ th̄ gīi t̄ng đ̄i, th̄ gīi c̣a sanh và đ̄i t̄, c̣a luân h̄i sanh t̄. Thân th̄, th̄ gīi bên ngoài thân ngũ ūn, hoàn c̣nh s̄ng, các tr̄ng thái tâm lý c̣a con nḡi nh̄ đã nói đ̄u là nhân duyên sanh nên ph̄i ch̄u s̄ tác đ̄ng c̣a vô th̄ng. Vô th̄ng, thay đ̄i thì th̄ nào cũng đ̄a đ̄n kh̄. Cho nên trong các hành, các hīn t̄ng đ̄u ch̄a s̄n h̄t gīng c̣a kh̄ hay ḡi là hành kh̄.

C̣ hai cách trình bày v̄ kh̄ mang tính phân lōi trên đ̄u mang tính ph̄ quát. Th̄ t ra, b̄t c̣ khi nào ph̄n n̄o xūt hīn thì khi đó kh̄ đau có m̄t; và ch̄ khi nào dòng tâm th̄c chúng ta không còn b̄ qūy nhīu b̄i bóng hình c̣a ph̄n n̄o thì khi đó là an l̄c. Trong các b̄ lūn c̣a Ph̄t giáo có đ̄ c̣p đ̄n nhīu lōi ph̄n n̄o. Ch̄ng h̄n trong 5 v̄ - 75 pháp c̣a lūn Câu Xá (Abhidharma Kosa) do ngài Th̄ Thân vīt vào đ̄u th̄ k̄ th̄ V TL, có 6 đ̄i ph̄n n̄o và 10 tīu ph̄n n̄o; Duy th̄c h̄c, môn tâm th̄c h̄c c̣a Ph̄t giáo th̄i phát trīn, đã trīn khai thành 6 lōi ph̄n n̄o chính và 20 lōi tīu tùy ph̄n n̄o. H̄n nhiên, đó cũng ch̄ là nh̄ng con s̄ mang tính ch̄t t̄ng tr̄ng. Có r̄t nhīu lōi ph̄n n̄o và tùy thūc vào t̄n s̄ xūt hīn c̣a chúng mà m̄c đ̄ th̄ng kh̄ s̄ khác nhau.

Do v̄y, hīn t̄ng vô th̄ng không h̄n là nguyên nhân c̣a m̄i kh̄ đau trong cūc s̄ng. Nguyên nhân c̣a kh̄ n̄m trong nh̄n th̄c và thái đ̄ s̄ng tích c̄c hay tiêu c̄c c̣a con nḡi. Nh̄n th̄c là th̄y rõ và đánh giá v̄ m̄t s̄ kīn, còn thái đ̄ s̄ng thūc v̄ hành vi và tâm lý ch̄ đ̄ng c̣a con nḡi tr̄c s̄ kīn đó. S̄ v̄t luôn luôn bīn đ̄i vô th̄ng mà chúng ta c̄ t̄ng và mong ̄c chúng s̄ th̄ng còn, t̄n t̄i mãi mãi. «Cái kh̄ c̣a con l̄a, con l̄c đã ch̄ n̄ng, cái kh̄ c̣a k̄ trôi lặn trong l̄c đ̄o ch̄a ḡi là kh̄. Ngu si không nh̄n th̄c đ̄c th̄c t̄i, không bīt đ̄c h̄ng đi m̄i th̄t là đau kh̄» (Sa di lūt gīi, tr.103). Chính nh̄n th̄c sai l̄c, cho nh̄ng ḡi vô th̄ng là th̄ng t̄i cho nên phát sinh m̄i kh̄ đau. Th̄ nh̄ng, vì sao kh̄ l̄i là m̄t pháp n̄n c̣a chánh pháp?

Trong m̄t l̄n, t̄i r̄ng Ta La song th̄ Kosambi (Kīu-th̄ng-di), Đ̄c Th̄ Tôn đã đ̄y các th̄y T̄ kheo v̄ lý do Ngài tuyên thuȳt B̄n chân lý cao th̄ng (T̄ đ̄u đ̄): «Này các th̄y, Nh̄ Lai đã đ̄y các th̄y nh̄ng gì? Nh̄ Lai đã đ̄y các th̄y các s̄ th̄t v̄ đau kh̄, nguyên nhân đau kh̄, đ̄n dīt đau kh̄ và con đ̄ng đi đ̄n dīt kh̄. T̄i sao Nh̄ Lai đ̄y các th̄y các chân lý đó? Vì chúng th̄t s̄ có ích và c̣n thīt đ̄ đi đ̄n m̄t đ̄i s̄ng lý t̄ng, vì chúng làm cho các th̄y t̄ b̄ m̄i đ̄c l̄c, gīi thoát kh̄i m̄i say đ̄m, ch̄m đ̄t m̄i kh̄ đau, đi đ̄n thanh t̄nh, giác nḡ, Nīt bàn» (T̄ng nḡ nḡ B̄ kinh V, tr.437).

Như vậy, khổ đau chính là phát biểu ngắn gọn của Tội diu đổ trong giáo lý Tam pháp uẩn và chúng ta xem là một vấn đề thường gặp trong thế giới cuộc đời và cả trong ý thức của người Phật tử. Chúng ta chỉ có thể trở về bình an khi ý thức là chúng ta đang bình an. Cũng vậy, giải thoát khỏi đau khổ trở thành hiện thực khi người Phật tử biết ý thức và thực nghiệm với khổ đau trong cuộc sống nội tâm. Một khi không nhận chân với chân tướng của cuộc đời và nuôi dưỡng ảo tưởng cuộc đời là hạnh phúc, bế tắc ràng buộc trong cuộc sống vật chất dài, chúng ta rốt cuộc đánh mất đi mục đích tu tập của mình. Can đảm nhìn thẳng vào khổ đau để giải quyết, đó là nhận thức căn bản. Như hoa sen được nuôi dưỡng bằng đất bùn, lý tưởng giải thoát được nuôi dưỡng bằng nhận thức căn bản này. Toàn bộ hành tu tập, đạo hạnh của Phật giáo cũng được bắt nguồn từ nhận thức này. Có thể khẳng định không một kinh điển nào trong đạo Phật không đề cập đến khổ và con đường đi ra khỏi khổ đau. Chính vì vậy, khổ đau được xem là một khuôn mẫu của chánh pháp.

3)- Pháp uẩn ba: Vô ngã (Anatma)

Vô ngã là giáo lý đặc biệt quan trọng trong Phật giáo. Giáo lý này là hệ quả thẩm sát liên tục các nguyên lý duyên khởi - vô thường. Vô thường là tính thay đổi trong khi vô ngã là tính không đứng vững. Khi mất cái gì do nhân duyên mà thay đổi thì nó không còn tính cách đứng vững, do đó nó vô ngã, hay vô bền chắc nó không có chất riêng biệt. Ví dụ nói cái bàn là vô thường là bởi vì chúng ta thấy rõ nó đang thay đổi, đang biến hoại dần dần về hình thức; nhưng nói cái bàn là vô ngã thì chúng ta phải nhìn bằng cái nhìn duyên khởi. Trong cái nhìn đó, cái bàn là một tập hợp của các diu kiến nhân duyên, của cây gỗ, của công sức người thợ... Nhưng hệ quả khác cũng đã đề cập đến ý niệm vô thường. Chẳng hạn, khi đứng trên bờ sông nhìn xuống dòng nước đang trôi chảy, Đức Khổng Tử đã viết: «Thật giống như phù, bắt xử trí sao?», nghĩa là «Trôi chảy hoài, ngày đêm không thôi, như thế này sao?». Héraclite cũng nhìn tính vô thường qua dòng sông nhưng với góc độ khác: «Bến xuôi cùng một dòng sông, nhưng gặp phải những dòng nước mới. Linh hồn cũng thoát ra từ nơi này rồi đi» (Theo *Trí tuệ Hy Lạp - La Mã*, Viện KHXH TP HCM, 1994). Các Nho gia và triết gia phương Tây nhìn chung tuy có ý niệm về tính vô thường, nhưng dường như không có ý niệm về tính vô ngã trong văn sử, văn vật. Do đó, có thể nói giáo lý vô ngã của Đức Phật là một giáo lý mang tính cách mở rộng vĩ đại. Ngay trong bài pháp thứ hai tại vùng Nai, kinh Vô ngã tụng (Anattalakkhana sutta), Đức Phật đã dạy tính vô ngã trong thân năm uẩn của con người: «Đây các thầy, sắc (rúp: thể chất, thân thể vật lý) này là vô ngã. Đây các thầy, nước trong sắc có ngã như vậy, sắc không phải chịu đau khổ và ta có thể ra khỏi «sắc phải như thế này hay phải như thế kia». Nhưng vì sắc không có ngã (vô ngã), nên sắc này còn phải chịu khổ đau và không thể có trạng thái hợp (ra lành) «sắc này phải như thế này hay sắc phải như thế kia» (Tụng ngữ kinh B kinh III, tr.66).

Các uẩn còn lại: thọ (cảm giác), tri (tri giác), hành (các trạng thái tâm lý và thái độ tâm lý), thức (nhận thức) cũng tương tự. Các năm uẩn tạo thành một ý niệm gì đó về một «cái

ngã« hay m t h u th chúng sanh đ ng nh t, không thay đ i. T đó r t d dàng sanh ra tâm lý tham đ m, mê say, ôm âp, b o th và ch p ch t vào nh ng gì thu c v năm u n (ngã s). Th nh ng, m i h u th hay ngã th y luôn chuy n bi n theo quy trình t ng quan duyên kh i. S sinh thành và ho i di t trong hình th và ngay trong b n ch t c a năm u n là k t qu c a các đ i u ki n nhân duyên và quá trình sanh-già-b nh-ch t, hay hình thành-t n t i-thay đ i, ho i di t-tiêu h y, luôn là chân lý công c cho m i con ng i và m i loài, m i v t.

M t l n, t i thành Xá V , Đ c Ph t cũng đ y các th y T kheo v tính vô ngã trong m t v t th nh bé nh mi ng phân bò: «Này các th y, cho đ n m t ngã th nh nh th này cũng không th ng còn, th ng h ng, th ng trú, không ch u s bi n ho i, vĩnh vi n th ng h ng, th ng trú. N u có m t ngã th nh nh th này, này các th y, là th ng còn, th ng h ng... th ng trú, thì đ i s ng ph m h nh đ ch n chánh đ o n t n kh đau không th trình bày (T ng ng ng B kinh III, ph m Hoa, tr.259). S thi u suy t , cân nh c trong hành vi đ i v i th c t i vô ngã c a v n s , v n v t th ng là n o đ ng đ n đ n các phi n l y, tham ái - nguyên nhân g n đ n đ n kh đau. Pháp n vô ngã không nh ng xác đ nh tính pháp đ nh c a chánh pháp mà còn là đ c tính riêng bi t trong giáo lý đ o Ph t. Chính vì t m quan tr ng này, vô ngã đ c xem là pháp n th ba trong Tam pháp n.

III. M i liên h gi a Tam pháp n trong c ch tâm lý c a ng i tu t p:

u t l n nh t đ i v i ng i tu t p là làm sao tìm đ c s an t nh n i tâm trong cu c s ng. M i ph ng pháp hành trì (pháp môn tu t p) trong đ o Ph t đ u có đ nh h ng đ a ng i tu t p v t kh i b c màn vô minh, tham ái - ngu n g c a kh đau. Vô minh và tham ái chính là c i r c a m i suy t , hành vi thiên ch p. M t khi thái đ s ng c a chúng ta b nhu m màu ch p th (b o th ý ki n và b c t ch t trong t t ng nào đó), khi đó kh đau có m t. Hai ý ni m mà con ng i th ng b l o cu n và b bu c ràng là «cái tôi» hay t ngã và các quan đ i m, lý thuy t, h c thuy t t t ng... Trong đ o Ph t, s ch p th hai đ i t ng này đ c g i là *ngã ch p* và *pháp ch p*.

Ngã ch p là ch p ch t vào ý ni m cho r ng m i sinh th trong đ i đ u có m t b n ch t đ ng nh t hay m t «linh h n» t n t i mãi mãi. Trong khi đó, pháp ch p l i thu c v s b o th trong quan ni m, ý ki n và cho r ng chúng luôn luôn đ ng trong m i tr ng h p, v i m i con ng i khác nhau trong các hoàn c nh khác nhau. Ch ng h n, trong kinh Brahman sutra c a h c phái Védanta, m t h c phái n n Đ vào th i Đ c Ph t, con ng i đ c xem là thu c v m t cá ngã, và cá ngã y do Ph m Thiên (Brahman: t ng t khái ni m Th ng đ c a m t s tín ng ng ngày nay) sanh ra. T đó sinh ra ý ni m con ng i ch là m t b ph n c a Ph m Thiên, t vô th đ n nay tuy khác hình t ng (nghĩa là m i ng i sanh ra đ u có dung m o, hình đ ng khác nhau) nh ng đ ng nh t và b an bài trong h th ng luân h i.

Do vậy, mục đích duy nhất trong đời sống này chính là khoanh tếm gian đi tìm lối ra khỏi luân hồi đọa lạc giải thoát và trở về hạnh phúc vĩnh cửu giác ngộ cứu cánh mình là Phật Thiên.

Các quan điểm và học thuyết ca tụng, xưng tụng cho ý niệm «có một thực thể vô hình thiêng liêng còn mãi mãi trong mọi hiện tượng» như vậy dường như hiện diện trong hầu hết các tôn giáo cùng thời Đức Phật và còn ảnh hưởng khá đậm nét trong đời sống tinh thần của nhân loại ngày nay. Do vậy, nên đề cập học Phật giáo trên cơ sở Tam pháp uẩn mang tính cách minh bạch trên thế gian tỏ ra những mâu thuẫn như: «Nếu con người luôn bị ràng buộc, vô thường, không có thật ngã thì ai tạo nghiệp, ai chịu quả báo?», hay «Nếu không có ngã thì cái gì sanh tử luân hồi trong các thú?... (Theo Thành duy thực luận - HT Thích Thiệu Siêu dịch và chú, tr.38 & 39). Trong kinh Năm vị - Tụng tụng kinh Bát kinh III, Đức Phật đã dạy các thầy Tỳ kheo phàm phu pháp quán niệm về bốn chất tạo nên thân năm uẩn trong khi tu tập trên cơ sở Tam pháp uẩn như sau:

«Này các thầy, các thầy nghĩ thế nào sở dĩ... thế... thế gian... hành... thế... là thế gian hay vô thường?»

- Bạch Thế Tôn, là vô thường.

- Cái gì là vô thường là khổ hay là không?

- Bạch Thế Tôn, là khổ.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý không khi quán cái này là: cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là ngã của tôi?

- Bạch Thế Tôn, không.

- Do vậy, này các thầy, thân năm uẩn này dù quá khổ, hiên tị, vô lai hoặc trong thân hay ngoài thân, thô hay tế, thô ng hay liễm, xa hay gần, cần phải được như thế quán với chánh trí như sau: «Cái này không phải là của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tôi ngã của tôi».

Lời dạy trên chính là câu đáp trả và khái quát nhất cho tất cả mọi nghi vấn phát xuất từ thế chấp thế và bỏ vô ngã.

Tuy nhiên, cần hiểu vô thường, khổ và vô ngã theo tinh thần của giáo lý duyên khởi. Trong đó Phật, một giáo pháp trùm chứa tất cả các giáo pháp khác, và tất cả giáo pháp sống nằm trong tâm thế của người. Đó là tinh thần của các câu: «Nhất pháp nhập nhất thế pháp, nhất thế pháp nhập nhất pháp» và «Nhất thế duy tâm tạo» trong kinh Hoa Nghiêm (quyển V, phẩm Thiển Tài đồng tử số bốn, tr.316 & 478). Do vậy, trong thế của thế giới hiện tại, vô thường cũng chính là vô ngã khi đồng với pháp đồng thời gian đồng thời đồng. Và khổ đau thế sự không phải nằm trên bình diện hiện tại sinh tử, thành hoại của con người và thế giới, mà phải thu nhập vào nhận thức của con người đối với tính vô thường - vô ngã của vạn sự, vạn vật.

C- Kết luận

Nhận thức đúng hay có chánh kiến đối với các hoạt động tâm-sinh-vật lý của bản thân là có cái nhìn thật rõ về ba pháp và vô thường - khổ - vô ngã của năm uẩn. Chỗ nào mọi suy nghĩ của con người còn bị buộc ràng trong các ý niệm và sự thường trú vĩnh hằng của ngã và các pháp chấp sai lầm, khi đó Tam pháp và vẫn còn giá trị và hiện hữu của cõi đời. Với người Phật tử, Tam pháp và chính là ba chìa khóa để mở cánh cửa đi vào giải thoát, là ba pháp pháp quán niệm để chuyển hóa thân thể. Và vô thường, khổ, vô ngã như đã trình bày cũng là các khuôn mẫu, nguyên lý ý để hiểu chính, tái tạo thế giới mới lý thuyết, ngôn luận, pháp môn tu tập trong đó Phật tử.

* **Chú thích:**

(1) Sát na (Skt: Kohana): m t kho ng th i gian c c ng n. M i ni m t ng thoáng qua trong tâm th c có 90 sát na.

Câu h i h ng d n ôn t p

1- Đ nh nghĩa và gi i thích ng n g n n i dung c a Tam pháp n.

2- H c viên h u nh th nào i d y c a Đ c Ph t trong Năm v (T ng ng B kinh III) v ph ng pháp quán ni m c a t thân: «Cái này không ph i là c a tôi, cái này không ph i là tôi, cái này không ph i là t ngã c a tôi».

Ng n **Giác Ng**

Nguyên Tu n